TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24 /2021/HSPT
Ngày: 21/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tĩnh;
Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 897/2020/TLPT ngày 20 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**** Các bị cáo có kháng cáo***:

1. Nguyễn Quốc T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; sinh ngày 14/10/1994; Nơi sinh: Ba L, Cái R, Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 053A, Kv5, phường Ba L, quận Cái R, thành phố Cần Thơ; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm 1969; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị khởi tố bị can ngày 27/11/2019; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thúy H; tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; sinh ngày 12/11/1984; nơi sinh: Phường Vinh T3, thành phố V1, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 2, xã Hưng Yên N, huyện Hưng N1, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Phước V (đã mất); Con bà Nguyễn Thị L1; sinh năm: 1952; Chồng: Nguyễn Đình H1, sinh năm 1983, nơi sinh: Thị trấn Nam Đ, tỉnh Nghệ An, hiện đang lao động tại Cộng

hoà liên bang Đức; Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015;Tiền án, tiền sự: không;

Bị khởi tố bị can ngày 08/11/2019; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đình T4; tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; sinh ngày 29/6/1985; Nơi sinh: Thiên L2, Can L3, Hà Tĩnh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn trường L11, xã Thiên L2, huyện Can L3, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Đình T5, sinh năm: 1961 và bà Võ Thị H2 , sinh năm 1965; Vợ: Nguyễn Thị T6, sinh năm 1989; Hiện trú tại thôn Trường L4, xã Thiên L2, huyện Can L3, tỉnh Hà Tĩnh; Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017;Tiền án, tiền sự: Không;

Bị khởi tố bị can ngày 01/11/2019; bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Xuân T7; tên gọi khác: không, Giới tính: Nam; sinh ngày 18/11/1996; Nơi sinh: Công T8, Yên T9, Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 4, xã Công T8, huyện Yên T9, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Xuân V3, sinh năm: 1973 và bà Phan Thị N2, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Phương T10, sinh năm 1995; trú tại xóm 4, xã Công T8, huyện Yên T9, tỉnh Nghệ An; Con: 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không;

Bị khởi tố bị can ngày 20/02/2020; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ 21/02/2020 đến ngày 23/4/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam sang bảo lĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2019, Lê Nguyên H3 (H3 B2), sinh năm 1988, trú tại thị trấn N3, huyện Can L3, tỉnh Hà Tĩnh hiện đang sinh sống tại Vương quốc Anh, liên lạc với Trần Đình T4 để nhờ làm thủ tục cho em họ là Phạm Thị Trà M sang Vương quốc Anh lao động dưới hình thức visa du lịch. T4 nhận hồ sơ và 50.000.000VNĐ tiền đặt cọc từ Trà M, nhưng do không xin được visa, T4 trả lại tiền cho gia đình Trà M.

Khoảng tháng 8/2019, Lê Nguyên H3 liên lạc nhờ Trần Đình T4 làm thủ tục dưới hình thức du lịch đưa Phạm Thị Trà M sang Pháp để H3 sắp xếp đưa Trà M từ Pháp nhập cảnh sang Anh. T4 đồng ý và đã liên lạc với Nguyễn Thị Thúy H nhờ H làm thủ tục đưa Trà M đi sang Pháp để trốn sang Anh lao động. H đồng ý với giá 21.000USD bằng hình thức làm visa du lịch sang Trung Quốc, từ Trung Quốc làm giả giấy tờ visa du lịch Châu Âu để bay thẳng sang Pháp. Hồ sơ thủ tục gồm: Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu phôtô công chứng và ảnh 4x6cm, không phải đóng tiền cọc trước, khi nào người sang đến nơi mới phải đưa tiền. Trần Đình T4 trao đổi, thống nhất với Lê Nguyên H3 và gia đình Trà M chi phí đưa Trà M sang đến Pháp là 22.000 USD và nhận hồ sơ Trà M gửi ra nhà nghỉ An An (số 17, phố Thiên H4, phường Mỹ Đ1, quận Nam Từ L5, Hà Nội) theo yêu cầu của Nguyễn Thị Thúy H.

Nguyễn Thị Thúy H nhờ Ngô Văn K là quản lý nhà nghỉ An A nhận giúp hồ sơ rồi H thông báo cho Nguyễn Quốc T đến lấy hồ sơ của Trà M. T đưa hồ sơ về phòng 303, số nhà 120, đường Mỹ Đ1, quận Nam Từ L5, Hà Nội tập hợp cùng các hồ sơ khác, chờ hướng dẫn của Nguyễn Thị Thúy D. Từ Trung Quốc, D gọi điện chỉ đạo T đưa hồ sơ của những người đi châu Âu lao động trong đó có Trà M kèm 160USD/hồ sơ cho Dương Mạnh T11 (sinh năm 1965, trú tại xã Hiệp C, huyện Kim Đ2, tỉnh Hưng Yên, làm nghề lái xe ôm ở Hà Nội), T11 chuyển hồ sơ cho Nguyễn Thị Kim L6 (sinh năm 1982, trú tại xã Hiệp C, huyện Kim Đ2, tỉnh Hưng Yên, làm nghề môi giới làm visa), L6 chuyển lại cho Trương Văn T12 (sinh năm 1976, trú tại phường Phú T13, quận Tây H5, TP. Hà Nội) là nhân viên của Công ty Cổ phần tổ chức du lịch Quốc tế Hà Nội để làm thủ tục xin visa Trung Quốc cho Trà M và các trường hợp khác.

Khoảng đầu tháng 10/2019, khi có visa Trung Quốc, Nguyễn Thị Thúy D báo lịch đi của các khách cho Nguyễn Quốc T, T thông báo lại cho người lao động qua các đầu mối. Ngày 03/10/2019, Phạm Thị Trà M từ Hà Tĩnh ra Hà Nội, nghỉ tại nhà nghỉ An A. T đến đưa hộ chiếu cho Trà M, người trong đường dây đón Trà M lên cửa khẩu quốc tế Hữu N4, tỉnh Lạng Sơn để sang Trung Quốc. Sau khi đến Trung Quốc, D sẽ đón Trà M và người lao động, sắp xếp chỗ ở để chờ làm giấy tờ, thủ tục. Đồng thời, từ Việt Nam, Nguyễn Thị Thúy H dùng tiền của H chuyển 6.000USD tiền đặt cọc trước cho T. Chiều ngày 17/10/2019, khi được thông báo Trà M đã có visa sang Châu Âu, chuẩn bị bay, gia đình Trà M đưa 22.000USD cho Trần Đình T4. Tối cùng ngày, T4 bắt xe khách ra Hà Nội. Cùng ngày, Trà M bay từ Trung Quốc đến Ethiopia, máy bay quá cảnh tại Cộng hoà Pháp. Tại sân bay Cộng hoà Pháp, Trà M sử dụng hộ chiếu Trung Quốc giả có hình ảnh của Trà M do đường dây cung cấp để nhập cảnh vào Cộng hoà Pháp. Ngày 18/10/2019, Trần Đình T4 đến khách sạn An A gặp Nguyễn Thị Thúy H. Khoảng 11h cùng ngày, Nguyễn Thị Thúy D gửi hình ảnh của Trà M ở Cộng hoà Pháp cho Thúy H, H gửi lại cho Trần Đình T4 đồng thời Lê Nguyên H3 gọi điện thoại cho T4 xác nhận là Trà M đã sang đến Cộng hoà Pháp, T4 đưa cho Hoà 21.000USD. Khoảng ngày 19/10/2019, Trà M từ Cộng hoà Pháp trốn sang Anh,

bị cảnh sát Anh phát hiện, trục xuất trở lại Cộng hoà Pháp. Ngày 23/10/2019, Trà M ngồi trong thùng xe container đông lạnh, tiếp tục trốn sang Anh, khi đến hạt Exess-Vương quốc Anh do ngạt thở nên Trà M tử nạn.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, xác định: Có hai đường dây tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài gồm:

** Đường đi qua Trung Quốc:*

Từ khoảng tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Thị Thúy D chỉ đạo em trai là Nguyễn Quốc T nhận hồ sơ, thủ tục thông qua Nguyễn Thị Thúy H, Võ Văn K1, Lê Văn H6, một người đàn ông tên T14 ở Nghệ An và một số người khác chưa rõ địa chỉ để tổ chức cho những người có nhu cầu trốn sang Châu Âu lao động. D đã hướng dẫn những người trong đường dây nhận hồ sơ, thủ tục gồm: Hộ chiếu, Hộ khẩu, Chứng minh nhân dân phôtô công chứng, ảnh 4x6cm để xin visa du lịch từ Việt Nam sang Trung Quốc với mức giá từ 17.000USD đến 20.000USD/người, nộp đủ tiền khi sang đến được châu Âu như thỏa thuận.

** Đường đi qua Hy Lạp:*

Từ khoảng tháng 03/2019 đến tháng 05/2019, Nguyễn Xuân T7 đã tự L6 hệ hoặc nhận hồ sơ, thủ tục các khách của Nguyễn Thị Thúy H do Nguyễn Văn Kim (sinh năm 1990, HKTT: Xóm 7, xã Hưng Yên N, huyện Hưng N1, tỉnh Nghệ An, hiện đang sinh sống và lao động tại CHLB Đức) giới thiệu, T7 gửi cho một người đàn ông tên Bảo L6 (người Nghệ An, chưa xác định nhân thân) để tổ chức đưa người trốn đi châu Âu lao động theo đường từ Việt Nam sang các nước Lào, Thái Lan, rồi từ Thái Lan qua Iran hoặc Azerbaijan và sử dụng hộ chiếu Trung Quốc giả, nhập cảnh vào Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó vượt biên sang Hy Lạp rồi từ Hy Lạp nhập cảnh vào CHLB Đức.

Hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Bị cáo: Nguyễn Quốc T:

Từ khoảng tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Thúy D, T nhận 71 bộ hồ sơ từ Nguyễn Thị Thúy H, Võ Văn K1, Lê Văn H6, một người đàn ông tên T14 ở Nghệ An và một số người khác chưa rõ địa chỉ để làm thủ tục đưa người trốn sang các nước Châu Âu lao động trái phép với mức giá từ 17.000USD đến 20.000USD/người. Nguyễn Quốc T đã làm visa, tổ chức được cho 22 người sang Châu Âu thành công, trong đó: 12 người là khách của Nguyễn Thị Thúy H (trong đó có Phạm Thị Trà M); 03 người là khách của Võ Văn K1 và Võ Văn H7; 03 người là khách của Lê Văn H6 và 04 khách khác là Nguyễn Thanh B (sinh năm 1978, trú tại phường Nghi H8, Thị xã Cửa L7), Nguyễn Ngọc C2 (sinh năm 2001, trú tại phường Nghi T15, Thị xã Cửa L7), Đặng Thái Sơn (sinh năm 1987, trú tại xã Bảo T16, huyện Yên T9) và Vũ Thị H (sinh năm 1990, trú tại xã Bảo T16, huyện Yên T9 đều là tỉnh Nghệ An). Bốn mươi chín (49) hồ sơ còn lại, Nguyễn Quốc T nhận làm thủ tục nhưng chưa xuất cảnh được. Quá

trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Nguyễn Quốc T được hưởng lợi 3.000USD.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H:

Từ khoảng tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Thị Thúy H đã nhận 42 bộ hồ sơ để làm thủ tục cho người khác đi các nước Châu Âu lao động trái phép theo hai con đường đi. Cụ thể:

+ *Đường Trung Quốc*: Nguyễn Thị Thúy H nhận hồ sơ thủ tục của 38 trường hợp đi Châu Âu lao động trái phép từ Trần Đình T4, Nguyễn Thị Thúy Nhàn, một người đàn ông tên P ở Quảng B1 và từ những người lao động khác tự liên hệ với H và gửi hồ sơ cho Nguyễn Thị Thúy D thông qua Nguyễn Quốc T để làm thủ tục đưa người trốn đi châu Âu. Trong số đó, H đã tổ chức được cho 12 người trốn sang các nước Châu Âu lao động với giá từ 19.500-21.000 USD/người gồm: Ngô Thị Mỹ N5 (sinh năm 1993, trú tại thị trấn Diễn C1, huyện Diễn Châu); Nguyễn Hữu H11 (sinh năm 2001, trú tại xã Hưng T18, huyện Hưng N1); Phạm Thị Cẩm T19 (sinh năm 1999, trú tại phường Hưng B3, thành phố V1); Đoàn Thị T20 (sinh năm 1996, trú tại xã Long T21, huyện Yên T9); Nguyễn Thị V4 (sinh năm 1996, trú tại xã Hưng T22, huyện Hưng N1); Vương Thị P1 (sinh năm 1993, trú tại phường Đông V5, thành phố V1, những người này đều là người Nghệ An); Đào Duy S1 (sinh năm 1997, trú tại Thanh T23, Bố T24, Quảng B1); Lương Trọng T25 (sinh năm 1999, trú tại xã Thiên L9, huyện Can L3, tỉnh Hà Tĩnh); Trần Văn Đ4 (sinh năm 2001, trú tại thị trấn N3, huyện Can L3, tỉnh Hà Tĩnh); Phan Thị T26 (sinh năm 1994, trú tại xã Hưng T22, huyện Hưng N1, tỉnh Nghệ An); Nguyễn Thị Kim T27 (sinh năm 1995, trú tại phường Cam Phúc N5, thành phố Cam R1, tỉnh Khánh Hòa) và Phạm Thị Trà M xuất cảnh, còn 26 người khác chưa đi được. Ngoài ra, H còn khai nhận đã đưa một người tên là P Anh ở Quảng B1 (không rõ địa chỉ cụ thể) sang CHLB Đức lao động trái phép.

+ *Đường Hy Lạp*: Vào tháng 5/2019, Nguyễn Thị Thúy H nhận hồ sơ của 04 người lao động gồm: Phúc Hữu T28 (sinh năm 1991, trú tại thị trấn Nam Đ5, huyện Nam Đ6), Nguyễn Trần H12 (sinh năm 1992, trú tại thị trấn Nam Đ5, huyện Nam Đ6), Nguyễn Trọng Tuấn A1 (sinh năm 1994, trú tại xã Vân D2, huyện Nam Đ6); Nguyễn Phước T29 (sinh năm 1990, trú tại thị trấn Nam Đ5, huyện Nam Đ6, đều là người Nghệ An) để tổ chức trốn sang CHLB Đức với giá 19.500USD/người, H gửi hồ sơ cho Nguyễn Văn K1, K1 gửi Nguyễn Xuân T7 để tổ chức đi sang CHLB Đức lao động. Ngày 10/5/2019, cả bốn khách xuất phát từ Nghệ An qua cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh sang Lào. Khi sang Lào, Nguyễn Phước T29 quay về Việt Nam, Nguyễn Trần H12 đến Thổ Nhĩ Kỳ bị phát hiện sử dụng hộ chiếu giả nên bị trục xuất về nước, còn Nguyễn Trọng Tuấn A1 tự liên lạc Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ để quay về Việt Nam, chỉ có Phúc Hữu T28 là trốn được sang CHLB Đức và hiện đang lao động tự do tại CHLB Đức.

Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Nguyễn Thị Thúy H được hưởng lợi 3.000USD.

3. Bị cáo Trần Đình T4:

Ngoài trường hợp Phạm Thị Trà M thì Trần Đình T4 còn nhận 03 bộ hồ sơ của: Trần Văn Đ7(sinh năm 2001, trú tại thị trấn N3, huyện Can L3, Lương Trọng T32 (sinh năm 1999, trú tại xã Thiên L2, huyện Can L3) và Nguyễn Văn N6 (sinh năm 1993, trú tại phường Tân G, thành phố Hà Tĩnh, đều là người tỉnh Hà Tĩnh), thông qua Nguyễn Thị Thúy H làm thủ tục đi Châu Âu trái phép theo đường Trung Quốc, T4 đã tổ chức cho Đức và Tuấn sang CHLB Đức lao động, còn Ngọc chưa xuất cảnh được.

Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Trần Đình T4 được hưởng lợi 1.500USD.

4. Bị cáo Nguyễn Xuân T7:

Khoảng giữa năm 2018, biết một người đàn ông tên Bảo L6 có thể nhận đưa người khác đi các nước Châu Âu lao động, T7 tự liên hệ, đặt vấn đề nhờ Bảo L6 nhận đưa người do T7 giới thiệu để đưa đi Châu Âu lao động, Bảo L6 đồng ý. Từ khoảng tháng 03/2019 đến tháng 05/2019, Nguyễn Xuân T7 đã hai lần nhận hồ sơ, thủ tục tổ chức đưa người trốn sang Châu Âu lao động trái phép, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 4/2019, T7 nhận hồ sơ của Trần Văn T33 (sinh năm 2000, trú tại xã Tiên Đ3, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh) gửi Bảo L6 làm thủ tục. Ngày 19/4/2019, T7 tổ chức đưa T33 trốn sang CHLB Đức lao động trái phép với chi phí 18.500 USD/người theo đường Hy Lạp, hiện T33 đang lao động tại CHLB Đức.

Lần 2: Tháng 4/2019, T7 nhận hồ sơ của 05 người gồm: Đặng Hà C3 (sinh năm 2001, trú tại xã Xuân G, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh) là khách T7 tự liên hệ và 04 bộ hồ sơ từ Nguyễn Thị Thúy H thông qua Nguyễn Văn K1 giới thiệu gồm Phúc Hữu T28; Nguyễn Trần H12; Nguyễn Trọng Tuấn A2; Nguyễn Phước T29. T7 liên lạc với Bảo L6 làm thủ tục trốn sang CHLB Đức lao động trái phép với chi phí 18.500 USD/người. Ngày 10/5/2019, T7 đã tổ chức cho 05 người này trốn sang CHLB Đức theo đường Hy Lạp. Trên đường đi đến Lào, Nguyễn Phước T29 quay lại Việt Nam, 04 người còn lại qua Thái Lan đến Azerbaijan và qua Thổ Nhĩ Kỳ. Tại sân bay Thổ Nhĩ Kỳ, 04 người được phát hộ chiếu Trung Quốc giả có in ảnh của mình để nhập cảnh. Tuy nhiên, Nguyễn Trần H12 bị lực lượng an ninh sân bay phát hiện sử dụng hộ chiếu giả, bị trục xuất về Việt Nam, 03 người còn lại nhập cảnh vào Thổ Nhĩ Kỳ và tiếp tục vượt biên sang Hy Lạp bằng đường rừng. Do quá trình vượt biên nguy hiểm, nhiều lần trốn sang Hy Lạp không thành công, Đặng Hà C3, Nguyễn Trọng Tuấn A2 tự liên lạc với Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ để quay về Việt Nam, riêng Phúc Hữu T28 trốn được sang CHLB Đức, hiện đang lao động tại CHLB Đức. Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Nguyễn Xuân T7 được hưởng lợi 1.000 USD.

5. Bị cáo Võ Văn K1 và Võ Văn H7:

Vào khoảng tháng 8/2019, sau khi quen biết, Võ Văn K1 liên lạc, đặt vấn đề với Nguyễn Quốc T nhận giới thiệu khách có nhu cầu sang các nước Châu Âu lao động, T đồng ý. Võ Văn K1 bảo Võ Văn H7 tìm người có nhu cầu sang các nước Châu Âu lao động. Tháng 9/2019, H7 và K1 thống nhất nhận 03 bộ hồ sơ của Dương Văn T31 (sinh năm 1994, trú tại xã Diễn L10, huyện Diễn C1), Bùi Đức T34 (sinh năm 2001, trú tại xã Diễn Đ8, huyện Diễn C1), Thạch Thị H13(sinh năm 1998, trú tại xã Diễn B4, huyện Diễn C1, đều là người tỉnh Nghệ An) sang Cộng hoà Pháp với giá 23.000USD/người để cho T31 với T33 và H13 trốn sang Vương quốc Anh lao động. Đến cuối tháng 9/2019, Dương Văn T31, Bùi Đức T34, Thạch Thị H13 đã sang Cộng hoà Pháp theo đường Trung Quốc. Tại Cộng hoà Pháp, Tác, Hằng tự liên hệ để sang Vương quốc Anh, còn Bùi Đức T33 nhờ Võ Văn H7 liên hệ đường dây đưa sang Vương quốc Anh, Võ Văn H7 đã liên hệ, tổ chức đưa T33 sang Vương quốc Anh với giá 15.500 bảng Anh thông qua một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể ở khu vực cầu Ghép, huyện Tĩnh G, Thanh Hóa. Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Võ Văn K1 được hưởng lợi số tiền 18 triệu đồng, Võ Văn H7 được hưởng lợi số tiền 20 triệu đồng.

6. Bị cáo Lê Văn H6:

Khoảng tháng 9/2019, sau khi con trai của Lê Văn H6 là Lê Văn T16 sang CHLB Đức lao động qua Nguyễn Thị Thúy D, một số người dân trên địa bàn huyện Yên T9 đến nhờ H6 làm hồ sơ trốn sang CHLB Đức lao động. H6 đã liên hệ với Lê Văn T16 để lấy thông tin của Nguyễn Thị Thúy D rồi liên lạc, đặt vấn đề với D nhận giới thiệu các khách có nhu cầu sang các nước Châu Âu lao động, D đồng ý và bảo H6 liên lạc với Nguyễn Quốc T để nộp hồ sơ và chi phí. Đầu tháng 9/2019, H6 nhận hồ sơ của 03 người gồm: Hoàng Thị H9 (sinh năm 1989), Nguyễn Danh L8 (sinh năm 1992) đều trú tại xã Bảo T16, huyện Yên T9 và Nguyễn Thị H14 (sinh năm 1991) trú tại xã Sơn T36, huyện Yên 17, tỉnh Nghệ An gửi cho Nguyễn Quốc T làm thủ tục trốn đi CHLB Đức lao động theo đường Trung Quốc với giá 21.000USD/người. Đến cuối tháng 9/2019, Hoàng Thị C5, Nguyễn Danh L8, Nguyễn Thị H14 đã trốn được sang CHLB Đức. Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Lê Văn H6 được hưởng lợi 1.500 USD.

7. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy D:

Nguyễn Thị Thúy D là kẻ chủ mưu, cầm đầu, đã tổ chức người trốn đi nước ngoài lao động, trong đó có Phạm Thị Trà M bị tử nạn khi nhập cảnh trái phép vào Vương quốc Anh, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thúy D về tội *"Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài"* nhưng D hiện đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã và tách hành vi Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài của Nguyễn Thị Thúy D để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Về vật chứng của vụ án:

- Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Đình T30: 01 điện thoại di động Iphone 6, màu trắng ; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu trắng, đều đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại số 0972489889.

- Tạm giữ của *Nguyễn Thị Thúy H*: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen đã qua sử dụng. (Đồ vật này đã được trả lại sau khi xác định không liên quan đến vụ án).

- Thu giữ của *Nguyễn Quốc T:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S, màu đỏ, kèm theo sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 10, màu đỏ xanh, kèm theo sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5, màu đỏ, kèm theo sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu vàng cát, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, màu xanh xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; tất cả đều đã qua sử dụng và 1.940USD.

Ngoài ra, cơ quan điều tra đã tạm giữ của T các đồ vật, tài liệu:

+ 01 thẻ Căn cước công dân số 092094000504 mang tên Nguyễn Quốc T

+ 01 hộ chiếu số C6471036 mang tên Nguyễn Quốc T;

+ 01 thẻ ngân Agribank số 970405807469973;

+ 01 thẻ ngân hàng PG bank số 9704300461303053;

+ 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 920151989666 mang tên Nguyễn Quốc T;

+ 01 Giấy phép lái xe hạng C số 920151989666 mang tên Nguyễn Quốc T;

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng có mặt đá màu đen.

Tuy nhiên, sau khi xác định các đồ vật tạm giữ này không liên quan đến vụ án, đã trả lại cho đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Quốc T:

- *Thu giữ của Lê Văn H6:* 01 điện thoại nhãn hiệu Mimax, màu đen, đã qua sử dụng.

- T*hu giữ của Nguyễn Xuân T7:* 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng (đã trả lại).

- 21 cuốn hộ chiếu thu giữ khi khám xét phòng ở của Nguyễn Thị Thúy D và Nguyễn Quốc T.

- 04 cuốn hộ chiếu do Ngô Văn K giao nộp.

- 01 cuốn hộ chiếu của Nguyễn Trần Hiếu gửi kèm công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Đình T4, Nguyễn Xuân T7 đều phạm tội *"Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài"*.

- Áp dụng: Điểm a, c, khoản 3, khoản 4 Điều 349; Điều 17 BLHS, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/11/2019).

- Áp dụng điểm điểm a, c, khoản 3, khoản 4 Điều 349; Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự,

xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/11/2019).

- Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 349; Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình T4 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/11/2019).

- Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T7 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến ngày 23/4/2020).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Đình T4 và Nguyễn Xuân T7 có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thúy H và Trần Đình T4 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, các bị cáo không có ý kiến thắc mắc gì, chỉ xin được Tòa án cấp phúc thẩm khoan hồng giảm nhẹ cho các bị cáo để sớm được trở về làm lại cuộc đời, chuộc lại lỗi lầm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Việc bị cáo Nguyễn Xuân T7 xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe, nhưng bị cáo không cung cấp đủ căn cứ về việc bị cáo nằm viện; hơn nữa, bị cáo chỉ kháng cáo xin hưởng án treo mà không phải kêu oan. Vì vậy, việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến quá trình xét xử phúc thẩm, đề nghị vẫn tiến hành xét xử bình thường.

Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì thấy: Tội danh, điều luật mà các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng xét xử là đúng pháp luật. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo T4 tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong đơn kháng cáo bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo chỉ vi phạm khoản 2 Điều 349, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử quy kết bị cáo là đúng. Như vậy là thể hiện sự ăn năn, hối cải rất cao của bị cáo. Bị cáo còn xuất trình giấy chứng nhận bị cáo có công phối hợp điều tra tội phạm và sau khi xét xử thì đã tự nguyện nộp tiền phạt và án phí sơ thẩm; các bị cáo H và T7 cũng có T tích giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; các bị cáo T4, T và H đã tích cực hỗ trợ cho gia đình bị hại (chị Trà M) nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem đây là tình tiết mới để khoan hồng giảm nhẹ cho các bị cáo. Từ

đó, đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo T, H và T7 mỗi bị cáo 06 tháng tù; riêng bị cáo T4 thì giảm nhẹ cho bị cáo từ một đến hai năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và cả trong xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Xuân T7: Sau khi vụ án bị phát hiện thì trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T7 đều thành khẩn nhận tội. Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ kháng cáo xin hưởng án treo; việc bị cáo cho rằng không đủ sức khỏe để tham gia phiên tòa nhưng lại không cung cấp chứng cứ đầy đủ về việc bị ốm đau. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo T7.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Quốc T thỏa thuận, thống nhất nhận hồ sơ qua Nguyễn Thị Thúy H, Trần Đình T4 và một số người khác để tổ chức, môi giới đưa 22 người xuất cảnh qua Trung Quốc rồi trốn sang Châu Âu nhằm trục lợi. Trong đó, H tổ chức, môi giới đưa 12 người; T4 tổ chức, môi giới đưa 03 người (trong số những người T, H, T4 tổ chức trốn đi nước ngoài có Phạm Thị Trà M bị tử nạn trên đường trốn sang Vương Quốc Anh). Đối với Nguyễn Xuân T7 thì kể từ tháng 4/2019 đến tháng 5/2019, T7 đã tổ chức 2 lần, môi giới đưa 06 người; Nguyễn Thúy H tổ chức, môi giới đưa 04 người trốn sang Châu Âu lao động trái phép nhằm trục lợi.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử nghiêm đối với các bị cáo là đúng và cần thiết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Hậu quả nghiêm trọng xảy ra là không ai mong muốn, vì trước đó giữa bị hại với bị cáo đều mong muốn đi được để mưu cầu cuộc sống, không có ý đồ nào khác; sau khi vụ án xảy ra đã rất hối hận, từ đó đã khai báo thành khẩn để cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án, tích cực hỗ trợ cho gia đình bị hại, có thành tích tố giác tội phạm giúp cho cơ quan chức năng phá án một số vụ án; bị cáo T4 còn nộp tiền phạt và án phí sau khi xét xử sơ thẩm… Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nghĩ nên giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình

phạt tù để vừa phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật XHCN, giúp cho các bị cáo yên tâm cải tạo để sớm được trở về hòa đồng với xã hội và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm là phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Đình T4 và Nguyễn Xuân T7 để sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HSST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt tù đối với các bị cáo kháng cáo.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Đình T4 và Nguyễn Xuân T7 phạm tội "Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài".

Áp dụng các điểm a, c khoản 3 Điều 349; Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, giam 23/11/2019.

Áp dụng các điểm a, c khoản 3 Điều 349; Điều 17; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H 5 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, giam 01/11/2019.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 349; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình T4 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, giam 01/11/2019.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 349; Điều 17; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T7 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, giam trước đó từ ngày 21/02/2020 đến 23/4/2020).

Ghi nhận bị cáo Trần Đình T4 đã thực hiện xong phần hình phạt bổ sung, tiền tịch thu và tiền án phí sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo T, H, T4 và T7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các bị cáo (qua trại giam);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng